

Unit 14

INTERNATIONAL ORGANIZATIONS

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

Đọc tìm nghĩa của từ, từ loại trong câu.

Đọc tìm thông tin chi tiết về tổ chức Hội chữ thập đỏ quốc tế.

• **Nói:**

Về một số tổ chức quốc tế và các hoạt động tình nguyện và từ thiện của họ.

• **Nghe:**

Nghe lấy thông tin chi tiết về tổ chức Liên hợp quốc.

• **Viết:**

Viết về những lí do lựa chọn làm việc cho một tổ chức quốc tế.

2. Trọng tâm ngôn ngữ

• **Phát âm:** The falling tune

• **Ngữ pháp và từ vựng:**

– Phrasal verbs

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Máy và băng cát xét.

Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

A. READING

Before you read

Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, đoán những người trong ảnh thuộc tổ chức quốc tế nào, GV gợi ý HS quan sát trang phục và biểu tượng của Hội chữ thập đỏ. Gợi ý cho HS nói từ *Red Cross*.

Theo cặp HS luyện trả lời câu hỏi.

ĐÁP ÁN

1. *giving medical aids-taking care of victims of poverty.*
2. *yes.*

GV dẫn dắt để HS nói về các tổ chức quốc tế mà các em biết hoặc đã từng nghe thấy.

While you read

Cho HS đọc thầm bài đọc và cố gắng hiểu nội dung của bài càng nhiều càng tốt. Lưu ý HS tìm nghĩa các từ trong Task 1.

Task 1. (Trang 154)

HS làm việc theo cặp tìm từ và nghĩa của từ trong bài đọc sau đó tìm dạng đúng của từ đã cho để điền vào chỗ trống.

GV gọi một vài HS đọc bài làm của mình, các HS khác nghe và sửa lỗi nếu có.

ĐÁP ÁN

1. *dedicated*
2. *appealed*
3. *initiated*
4. *appalled*
5. *resulted*

Task 2. (Trang 154)

- Cá nhân: Yêu cầu từng HS đọc lướt các câu hỏi và chọn câu đúng hoặc sai theo nội dung của bài đọc.
- Theo cặp: yêu cầu HS trao đổi với người ngồi cạnh về kết quả của bài.

Gọi một vài HS đọc kết quả của bài trước lớp, các HS khác nghe và nhận xét. GV theo dõi và cho câu trả lời đúng. Nếu là câu sai, yêu cầu HS cho câu đúng theo nội dung của bài đọc.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
T	T	T	F	T

Task 3. (Trang 154)

Cá nhân tự trả lời các câu hỏi 1 – 3.

Theo cặp: cho HS trao đổi câu trả lời với người ngồi cạnh.

Gọi một vài HS đọc câu trả lời của mình trước lớp, các em khác nghe và nhận xét nếu có.

ĐÁP ÁN

1. *The Red Cross Federation's mission is to improve the lives of vulnerable people.*
2. *186 countries.*
3. *People in the country can get quick help and supports when they are in difficulty.*

After you read

Từng cá nhân HS tìm từ điền vào các chỗ trống của đoạn văn. Lưu ý HS tham khảo lại bài đọc để tìm từ thích hợp.

ĐÁP ÁN

1. *appalled*
2. *lack*
3. *of*
4. *in*

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 155)

Yêu cầu từng HS đọc đoạn văn về Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Theo cặp HS hỏi và trả lời câu hỏi 1- 4.

GV theo dõi, giải thích khi cần.

ĐÁP ÁN

1. *WHO stands for the World Health Organization.*
2. *It was established on 7 April 1948.*
3. *Its major objective is the attainment by all peoples of the highest possible level of health.*
4. *Its main activities are carrying out research on medical development and improving international health care.*

Task 2. (Trang 156)

Theo cặp HS luyện hỏi và trả lời về hai tổ chức UNICEF và WWF dựa vào các thông tin tóm tắt đã cho ở trang 155 (SHS) : Có thể sử dụng bốn câu hỏi ở Task 1.

Task 3. (Trang 156)

Yêu cầu HS theo nhóm luyện nói tóm tắt về các tổ chức quốc tế mà mình biết, dựa vào các thông tin ở Task 1 và 2 hoặc dựa vào các kiến thức của bản thân.

Yêu cầu một vài đại diện các nhóm trình bày trước lớp. Các HS khác theo dõi, nhận xét hoặc sửa chữa.

C. LISTENING

Luyện nghe lấy thông tin chi tiết về tổ chức Liên Hợp Quốc.

Before you listen

- Theo cặp: Yêu cầu HS quan sát tranh và thảo luận các thông tin có liên quan đến tổ chức ở trong tranh. Gợi ý để HS nói:
- *Where's the building? In New York.*
- *How popular is the United Nations?*
- Yêu cầu một vài HS nói về những điều mà mình biết về tổ chức Liên Hợp Quốc.
- GV bật băng (hoặc đọc to) cho HS nghe và nhắc lại các từ, cụm từ trong bài, lưu ý trọng âm trong các từ có ba âm tiết. GV có thể yêu cầu HS nói nghĩa hoặc cho nghĩa một số từ mới nếu cần thiết. Có thể yêu cầu HS khá đoán trước nội dung của bài nghe.

While you listen

Task 1. (Trang 157)

Yêu cầu HS đọc kĩ câu hỏi 1 hoặc 2 phút.

Bật băng cho HS nghe lần 1 yêu cầu nắm ý chính của toàn bài.

Cho HS nghe lần 2 để trả lời ba câu hỏi.

HS trao đổi kết quả với bạn ngồi cạnh. Nếu còn nhiều HS chưa làm đúng có thể nghe lại lần 3.

Gọi một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe và cho nhận xét.

ĐÁP ÁN: 1.

1	2	3
C	D	C

Task 2. (Trang 157)

– Yêu cầu HS đọc câu hỏi và phần phải nghe để điền từ ở Task 2.

– GV có thể hỏi nghĩa một số từ mới nhằm giúp HS hiểu nội dung đoạn băng sắp nghe.

– Bật băng cho HS nghe hai lần, kiểm tra kết quả và cho đáp án.

ĐÁP ÁN

1. solve international problems

2. the UN

3. in its goals

4. at war

5. independence

Tapescript

In 1945 leaders from 51 countries met in San Francisco, California and organised the United Nations (often called the UN). World War II had just ended. Millions of people had died, and there was destruction everywhere.

People hoped they could build a future of world peace through this new organisation.

The United Nations has four main goals and purposes:

1. To work together for international peace and to solve international problems;

2. *To develop friendly relations among nations;*
3. *To work together for human rights for everyone of all races, religions, languages, and of both sexes.*
4. *To build a centre where nations can work together for these goals.*

Today almost every country in the world is a member of the UN. Each country has signed an agreement that says:

- *All members are equal.*
- *All members promise to solve international problems in a peaceful way.*
- *No member will use force against another member.*
- *All members will help the UN in its actions.*
- *The UN will not try to solve problems within countries except to enforce international peace.*

Obviously, the United Nations has not been completely successful in its goals. There have been several wars since 1945. However, the organization has helped bring peace to some countries that were at war. It has helped people who left their countries because of wars. It has helped bring independence to colonies.

After you listen

Theo nhóm HS viết tên các tổ chức quốc tế mà mình biết từ bài học hoặc từ kiến thức của bản thân. GV theo dõi và giúp chuyển tên các tổ chức mà HS nêu bằng tiếng Việt sang tiếng Anh.

D. WRITING

Task 1. (Trang 158)

Theo nhóm: HS nói về những lí do mà bản thân chọn để làm việc cho một trong ba tổ chức quốc tế. Gợi ý để HS có thể bắt đầu nói giải thích về sự lựa chọn của mình bằng các câu hỏi sau:

HS 1: Which international organizations would you like to work for, WWF, WHO or the UN?

HS 2: I'd like to work for WHO.

HS 3: Why do you choose to work for WHO?

HS 2: Because I like biology and I'm very good at it. If I work for WHO, I will have a chance to do much medical research and help improve international health care. I will meet people from different countries in the world and I will speak English at work.

Yêu cầu một vài nhóm thể hiện trước lớp phân nhóm đã thảo luận như nói về sự lựa chọn của một số người trong nhóm muốn làm cho một tổ chức quốc tế nào đó.

Các HS khác nghe và nhận xét hoặc bổ sung nếu có.

Task 2. (Trang 158)

Cá nhân: yêu cầu HS tham khảo ý và cách diễn đạt đã luyện ở Task 1 để viết dàn bài cho bài viết của mình.

Theo cặp: HS trao đổi về dàn bài định viết của mình.

Có thể làm bài chung ở lớp theo các ý đã phát triển ở Task 1.

GV theo dõi, chữa trước lớp một số lỗi điển hình trên lớp.

Yêu cầu HS viết bài tại lớp hoặc có thể viết ở nhà nhưng có chấm bài viết lấy điểm kiểm tra bài cũ.

E. LANGUAGE FOCUS

Intonation

• **Practise reading the following sentences with the falling tune.**

+ GV bật băng hoặc đọc mẫu một lần các câu từ 1 đến 9.

+ Yêu cầu một vài HS đọc lại các câu từ 1 – 9. Lưu ý xuống giọng ở cuối câu.

Grammar

Cá nhân: yêu cầu HS làm bài tập theo mẫu.

Theo cặp: HS trao đổi kết quả bài làm với bạn bên cạnh.

GV theo dõi, giải thích hoặc giúp đỡ khi cần thiết.

ĐÁP ÁN

Exercise 1. (Trang 159)

1. *give up*

6. *look up*

2. *fill in*

7. *Turn off*

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 3. <i>turn on</i> | 8. <i>fill in</i> |
| 4. <i>take off</i> | 9. <i>go on</i> |
| 5. <i>wash up</i> | 10. <i>put on</i> |

Exercise 2. (Trang 160)

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. <i>in</i> | 6. <i>up</i> |
| 2. <i>up</i> | 7. <i>down</i> |
| 3. <i>out</i> | 8. <i>away</i> |
| 4. <i>round</i> | 9. <i>down</i> |
| 5. <i>on</i> | 10. <i>on</i> |

Exercise 3. (Trang 160)

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 1. <i>turns up</i> | 5. <i>held up</i> |
| 2. <i>look after</i> | 6. <i>try out</i> |
| 3. <i>takes after</i> | 7. <i>went off</i> |
| 4. <i>got over</i> | |